

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 339 /CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

V/v mời báo giá gói thầu SH2026-SCDK-003 “Mua sắm Vật tư thay thế Hệ thống các quạt khói gió phục vụ BDSCDK 2026 - NMNĐ Sông Hậu 1” (lần 2)

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư thay thế Hệ thống các quạt khói gió phục vụ Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2026 của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Chi nhánh kính mời các Quý Công ty có năng lực kinh nghiệm trong việc cung cấp các vật tư thay thế Hệ thống các quạt khói gió phục vụ vận hành các Nhà máy công nghiệp quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục 1 đính kèm*;
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
- Tiến độ cung cấp: Cung cấp hàng hóa trước 20/7/2026.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 14h00 ngày 25/02/2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 tại ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý Công ty như *Phụ lục 2 đính kèm*.
- Phương thức gửi báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như *Phụ lục biểu chào giá đính kèm*) qua thư điện tử theo các địa chỉ email: nhanbaogia.hn@pvpqb.vn; hanhnh@pvpqb.vn.
- ✓ Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Bà Lương Hồng Hạnh – Phòng Thương mại, Tel: 0915977820.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PGĐ CN (e-copy);
- Lưu: VT, TM (H.T.H.T).

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Phạm vi công việc.
- Phụ lục 2: Biểu chào giá.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH
PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA
VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bà Thị Thu Hương





PHỤ LỤC: PHẠM VI CÔNG VIỆC SH2026-SCDK-003 MUA SẴM VẬT TƯ THAY THẾ HỆ THỐNG CÁC QUẠT KHÓI GIÓ - NMD SÔNG HẬU 1

STT	STT theo Hệ thống	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ (cấp nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Mã vị trí/ri lắp	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
	1	2	3	4	6	7	8		9	10	16	17	
	3		Flue & Gas System										
	3.1		PAF			FAN TYPE: L3N 2016.00.00 DBV6F	Howden						
1	3.1.1	51746016		Flexible coupling		Flexible for KTR Rotex Size GS 19 claw 6EA	KTR Rotex	Châu Âu/G7	Thông số thực tế	Thông số thực tế	8	PC	
2	3.1.2	51712106		Coupling		KTR Rotex 19	KTR Rotex	Châu Âu/G7	Thông số thực tế	Thông số thực tế	2	PC	
	3.2		FDF			Fan type and size: PFSG-212-090-02	Howden					PC	
	3.2.1			IMPELLER & HYDRAULIC CYLINDER SYSTEM			Howden			SHI-DHI-PIHLB-M-M01-MAN-1643 (Page: 185)			
3	3.2.1.3	56150471		Thrust ball bearing	V10216780		Howden	SWEDEN	Item No: 5	Item No: 5	52	PC	X
4	3.2.1.11	48536093		Sealing ring	V10219661		Howden	SWEDEN	Item No: 18	Item No: 18	4	PC	X
5	3.2.1.14	53901018		Washer	V4558327-0100		Howden	SWEDEN	Item No: 21	Item No: 21	40	PC	X
6	3.2.1.15	53901019		Hexagon bolt	P10059454		Howden	SWEDEN	Item No: 22	Item No: 22	40	PC	X
7	3.2.1.18	53901022		Teflon washer	V8516868-0200		Howden	SWEDEN	Item No: 26	Item No: 26	4	PC	X
8	3.2.1.19	53901024		Sealing	V8512810		Howden	SWEDEN	Item No: 27	Item No: 27	52	PC	X
9	3.2.1.20	53901025		Hydraulic cylinder	V8512138-0100		Howden	SWEDEN	Item No: 29	Item No: 29	2	PC	X
10	3.2.1.21	53901026		Rotating Union	P80015712	KURODA-RJH-062M	Howden	Japan	Item No: 30	Item No: 30	2	PC	X
	3.2.2			Main bearing			Howden /SKF			SHI-DHI-PIHLB-M-M01-MAN-1643 (Page: 190)			
11	3.2.2.1	50396199		Bearing	P10169427	23130 CC/W33	SKF	SWEDEN	Item No: 2	Item No: 2	6	PC	
12	3.2.2.2	53901027		Air filter	P10091542		Howden	SWEDEN	Item No: 6	Item No: 6	3	PC	X
13	3.2.2.3	53901028		O-ring	P10169484		Howden	SWEDEN	Item No: 10	Item No: 10	6	PC	X
14	3.2.2.4	53901030		Sealing	P10107239		Howden	SWEDEN	Item No: 12	Item No: 12	4	PC	X
	3.2.3			HYDRAULIC SYSTEM						SHI-DHI-PIHLB-M-M01-MAN-1647 (Page: 775 - 779)			
15	3.2.3.1	48846010		Rubber hose	1200601	605AA/10 bar OD=58mm ID=48mm	AVN HYDRAULIK	Châu Âu/G7/OECD	13	13	4	PC	
16	3.2.3.2	48846021		Rubber hose	1200600	605AA/10 bar OD=52mm ID=42mm	AVN HYDRAULIK	Châu Âu/G7/OECD	12	12	8	PC	
17	3.2.3.3	51700173		Rubber spider	201500	OMT R 62	OMT	Châu Âu/G7/OECD			12	PC	x



STT theo Hệ thống	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả (Textile Part)	Order information (Part No)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ (cấp nhật theo: EPC O&M Name plate)	Mã vị trí/vị trí lắp	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
18	3.2.4	53901067	FDF Flexible connection outlet (Textile Part)			Howden	Châu Âu/G7/OECD	SHI-DHI-PIHLB-M-M01-MAN-1643 (Page: 161) No: 1	SHI-DHI-PIHLB-M-M01-MAN-1643 (Page: 161) No: 1	4	PC	X
3.3		IDF			Fan type and size: PFTO-265-129-64	Howden					PC	
3.3.1			IMPELLER & HYDRAULIC CYLINDER SYSTEM			Howden						
19	3.3.1.1	53901031	Hydraulic cylinder	Part No: V10198796-1100		Howden	SWEDEN	Item No: 1	Item No: 1	2	PC	X
20	3.3.1.4	53901066	Sealing ring	Part No: V8509132		Howden	SWEDEN	Item No: 09	Item No: 09	66	PC	X
21	3.3.1.5	53901060	Thrust ball bearing	Part No: V8516371		Howden	SWEDEN	Item No: 15	Item No: 15	68	PC	X
22	3.3.1.6	53901011	Scraper	Part No: V8514314		Howden	SWEDEN	Item No: 16	Item No: 16	8	PC	X
23	3.3.1.11	53901037	Sealing	Part No: V8513537		Howden	SWEDEN	Item No: 31	Item No: 31	61	PC	X
24	3.3.1.14	53901023	Rotating Union	Part No: P80001035		Howden	Japan	Item No: 45	Item No: 45	2	PC	X
25	3.3.1.17	48001002	Blade screw	Part No: P10059472		Howden	Italia	Item No: 29	Item No: 29	368	PC	X
26	3.3.1.18	53901004	Teflon washer	Part No: V10061206		Howden	SWEDEN	Item No: 32	Item No: 32	2	PC	X
27	3.3.1.19	53901005	Teflon washer	Part No: V10061214		Howden	SWEDEN	Item No: 32	Item No: 32	2	PC	X
3.3.2			Main bearing (DE)		-Drawing No: V10234528 -SNL 3040 TURAK7/V22 + Ordered separately	Howden/SKF						
3.3.3			Main bearing (NDE)		- Drawing No: V10234458 - SNL 3244 TURTK7/V23 + Ordered separately	Howden/SKF						
40	3.3.3.16	48585004	Locating ring		FRB 10/400	SKF	SWEDEN	Item No: 16	Item No: 16	4	PC	X
3.3.4			HYDRAULIC SYSTEM									
41	3.3.4.2	48846024	Rubber hose	1200601	605AA/10 bar OD=58mm ID=48mm, Length: 500	AVN HYDRAULIK	Không có thông tin	13	SHI-DHI-PIHLB-M-M01-MAN-1649 (Page: 752 - 756)	2	PC	
42	3.3.4.3	53901064	Rubber hose	1200600	605AA/10 bar OD=52mm ID=42mm, Length: 680	AVN HYDRAULIK	Không có thông tin	12		6	PC	
43	3.3.5	53901063	IDF Flexible connection outlet (Textile Part)	4254504-0	- Ref.no.: 43609 - Type: MN300-II/IV o - Item No: 1 (thông số thực tế)	Howden	Denmark	SHI-DHI-PIHLB-M-M01-MAN-1645 (Page: 168)	SHI-DHI-PIHLB-M-M01-MAN-1645 (Page: 168)	2	PC	X

Chi chú:

(X) Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế (soft part/ spare part, không có kích thước chi tiết, chỉ có mã vị trí lắp đặt) của thiết bị thuộc hệ thống quạt khói gió lò hơi hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị/hệ thống nêu trên), VTTT phải là hàng hóa chính hãng, dùng chung loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu.

PHỤ LỤC 2: BIỂU CHÀO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Mua sắm Vật tư thay thế Hệ thống các quạt khói gió phục vụ BDSCĐK 2026 - NMNĐ Sông Hậu 1					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

